

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÒ HỢP HẠ LONG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỢP HẠ LONG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**NỘI DUNG**

**TRANG**

Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Người đại diện theo Pháp luật	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	9

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HÀ LONG

## THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

### Giấy Chứng nhận

#### Đăng ký Doanh nghiệp

Số 0200344752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 5 tháng 3 năm 1999. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 13 ngày 1 tháng 11 năm 2021.

### Hội đồng Quản trị

Ông Kek Chin Ann	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2021)
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2021)
Ông Mai Xuân Phong	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2021)
Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên (miễn nhiệm Chủ tịch và bổ nhiệm thành viên ngày 10 tháng 6 năm 2021)
Ông Wilson Cheah Hui Pin	Thành viên
Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2021)
Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên (miễn nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2021)
Ông Phạm Hữu Quý Lâm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2021)
Ông Trần Hoàng Lâm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2021)

### Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Hải Yến	Trưởng ban
Bà Lã Thị Quy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2021)
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn Vũ	Thành viên (bổ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2021)
Bà Mai Thị Mai Hoa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2021)
Ông Trần Phước Thái	Thành viên (miễn nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2021)

### Ban Giám đốc

Ông Trương Sỹ Toàn	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2021)
Ông Kek Chin Ann	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2021)
Bà Phạm Thị Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021)

### Người đại diện theo Pháp luật

Ông Kek Chin Ann	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021)
Ông Bùi Quốc Hưng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021)

### Trụ sở chính

### Công ty kiểm toán

Số 71, Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng, Việt Nam  
Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

### BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

#### TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Người đại diện theo Pháp luật của Công ty ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long ("Công ty") và các Công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") theo Giấy ủy quyền số 09 ngày 11 tháng 11 năm 2021.

Người đại diện theo Pháp luật của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Người đại diện theo Pháp luật được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Người đại diện theo Pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Người đại diện theo Pháp luật của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 37. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Trương Sỹ Toàn  
Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền

Hải Phòng, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 18 tháng 3 năm 2022

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021, và được Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 18 tháng 3 năm 2022. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 37.

### **Trách nhiệm của Người đại diện theo Pháp luật**

Người đại diện theo Pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo Pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Người đại diện theo Pháp luật cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



Trần Hồng Kiên  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:  
0298-2018-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Bùi Phương Hạnh  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:  
3823-2021-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 2956  
Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2022

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>390.008.339.932</b>	<b>331.314.399.182</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>11.608.254.553</b>	<b>13.573.889.382</b>
111	Tiền		11.608.254.553	13.573.889.382
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>92.400.030.673</b>	<b>61.953.217.110</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	91.004.022.490	57.616.659.951
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		3.089.574.319	5.911.628.094
136	Phải thu ngắn hạn khác	5	7.341.173.261	7.080.876.864
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(9.034.739.397)	(8.655.947.799)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>274.147.530.118</b>	<b>248.937.054.925</b>
141	Hàng tồn kho		279.805.279.007	251.955.830.869
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.657.748.889)	(3.018.775.944)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>11.852.524.588</b>	<b>6.850.237.765</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	1.009.573.185	727.063.695
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	12(a)	10.370.503.078	4.981.813.072
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12(a)	472.448.325	1.141.360.998
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>64.784.719.450</b>	<b>66.094.146.036</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>949.844.292</b>	<b>649.844.292</b>
216	Phải thu dài hạn khác		949.844.292	649.844.292
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>58.725.863.962</b>	<b>55.330.643.714</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	45.267.019.672	41.388.085.304
222	Nguyên giá		152.097.744.457	140.231.174.327
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(106.830.724.785)	(98.843.089.023)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	13.458.844.290	13.942.558.410
228	Nguyên giá		14.678.762.202	14.678.762.202
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.219.917.912)	(736.203.792)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>6.617.163.883</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	-	6.617.163.883
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>5.109.011.196</b>	<b>3.496.494.147</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	5.109.011.196	3.496.494.147
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>454.793.059.382</b>	<b>397.408.545.218</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>307.006.014.263</b>	<b>267.789.965.375</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>302.099.529.207</b>	<b>262.509.742.299</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	94.609.843.178	111.855.968.099
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.191.791.077	2.319.997.849
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12(b)	7.513.740.372	8.822.938.433
314	Phải trả người lao động	13	10.121.936.196	3.716.434.623
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	18.716.202.078	9.796.318.416
319	Phải trả ngắn hạn khác	15	1.868.685.534	2.553.235.476
320	Vay ngắn hạn	16(a)	158.926.550.292	119.852.838.427
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	3.400.000.000	-
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	3.750.780.480	3.592.010.976
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>4.906.485.056</b>	<b>5.280.223.076</b>
337	Phải trả dài hạn khác		372.500.163	282.500.163
338	Vay dài hạn	16(b)	490.000.000	1.139.569.000
342	Dự phòng phải trả dài hạn	19	4.043.984.893	3.858.153.913
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>147.787.045.119</b>	<b>129.618.579.843</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>147.787.045.119</b>	<b>129.618.579.843</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20,21	50.000.000.000	50.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	21	15.753.387.350	15.753.387.350
418	Quỹ đầu tư phát triển	21	29.020.260.148	29.020.260.148
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	21	53.013.397.621	34.844.932.345
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		23.594.932.345	16.728.521.510
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		29.418.465.276	18.116.410.835
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>454.793.059.382</b>	<b>397.408.545.218</b>



Bùi Thị Hường  
Người lập/Kế toán trưởng



Trương Sỹ Toàn  
Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 18 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất.

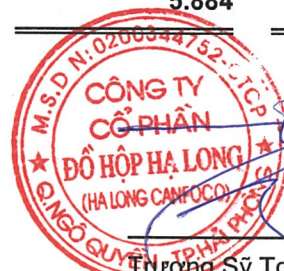


## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	881.402.222.185	738.565.184.915
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(17.325.366.487)	(4.222.008.969)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	864.076.855.698	734.343.175.946
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(679.962.653.943)	(591.909.411.496)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	184.114.201.755	142.433.764.450
21	Doanh thu hoạt động tài chính	3.615.674.801	2.229.927.576
22	Chi phí tài chính	(9.025.382.828)	(6.855.076.500)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(6.256.821.659)	(5.147.268.284)
25	Chi phí bán hàng	(107.276.328.366)	(87.424.018.878)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(33.816.247.255)	(28.211.406.868)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	37.611.918.107	22.173.189.780
31	Thu nhập khác	1.322.346.036	1.176.999.788
32	Chi phí khác	(712.135.132)	(447.069.818)
40	Lợi nhuận khác	610.210.904	729.929.970
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.222.129.011	22.903.119.750
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(8.803.663.735)	(4.786.708.915)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	29.418.465.276	18.116.410.835
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.884	3.173
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.884	3.173



Bùi Thị Hương  
Người lập/Kế toán trưởng



Trương Sỹ Toàn  
Tổng-Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 18 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG**

Mẫu số B 03 – DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	38.222.129.011	22.903.119.750
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	8.661.143.886	6.729.312.339
03	Các khoản dự phòng	6.603.595.523	901.726.411
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	342.668.925	(107.432.672)
05	Lãi tiền gửi và thanh lý tài sản cố định	287.183.052	(60.791.661)
06	Chi phí lãi vay	6.256.821.659	5.147.268.284
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	<b>60.373.542.056</b>	<b>35.513.202.451</b>
09	Tăng các khoản phải thu	(36.133.405.296)	(26.214.384.473)
10	Tăng hàng tồn kho	(27.849.448.138)	(67.447.924.138)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(4.426.933.862)	57.682.994.840
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(1.895.026.539)	291.050.496
14	Tiền lãi vay đã trả	(6.233.017.848)	(5.112.540.820)
15	Thuế TNDN đã nộp	(8.669.305.697)	(1.734.646.337)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(591.230.496)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	<b>(25.424.825.820)</b>	<b>(7.022.247.981)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(5.848.342.994)	(17.281.789.611)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	50.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	7.568.399	60.791.661
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	<b>(5.790.774.595)</b>	<b>(17.220.997.950)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	557.227.005.593	467.452.861.236
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(519.031.192.169)	(438.479.413.165)
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(8.961.574.500)	(4.999.431.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	<b>29.234.238.924</b>	<b>23.974.017.071</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	<b>(1.981.361.491)</b>	<b>(269.228.860)</b>
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3 13.573.889.382	13.681.388.435
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	15.726.662	161.729.807
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3 <b>11.608.254.553</b>	<b>13.573.889.382</b>

*[Handwritten signature]*

Bùi Thị Hương  
Người lập/Kế toán trưởng



*[Handwritten signature]*  
Trưởng Sỹ Toàn  
Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 18 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200344752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 5 tháng 3 năm 1999. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi gần nhất (lần thứ 13) ngày 1 tháng 11 năm 2021.

Chủ sở hữu của Công ty bao gồm các cổ đông nắm giữ cổ phiếu của Công ty. Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 20.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch cổ phiếu là CAN.

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là sản xuất. Hoạt động chính của Tập đoàn bao gồm: sản xuất, chế biến, đóng hộp và xuất khẩu các mặt hàng thủy, hải sản, súc sản đông lạnh và các thực phẩm khác.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 21/2017/NQ-HĐQT, số 22/2017/NQ-HĐQT và số 27/2017/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 10 năm 2017, Ban Lãnh đạo đã quyết định đóng cửa ba chi nhánh sau:

- Chi nhánh tại Thành phố Đà Nẵng, địa chỉ tại 150 Đống Đa, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam;
- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ tại số 30 Lý Long Tường, Khu phố Mỹ Quang – H30, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và
- Chi nhánh tại Hà Nội, địa chỉ tại số 80B Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, thủ tục đóng cửa chi nhánh tại Hà Nội và Thành phố Đà Nẵng đã hoàn thành. Các thủ tục đóng cửa chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn đang được tiến hành.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có hai công ty con như sau:

<b>Công ty con</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Nơi thành lập, đăng ký hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết</b>
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng	Chế biến, bảo quản cá và các sản phẩm từ cá, thịt và các sản phẩm từ thịt, rau củ quả, sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm và các mặt hàng thủy hải sản.	Lô C3-4, C3-5, Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	100%	100%
Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	Dịch vụ chăm sóc trẻ và giáo dục mầm non	Số 69, Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng, Việt Nam	100%	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có 1.068 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 942 nhân viên).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Tập đoàn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

**2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

**Công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

**2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.7 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

**2.8 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định vô hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4% - 33%
Máy móc thiết bị	7% - 50%
Phương tiện vận tải	10% - 50%
Thiết bị văn phòng	14% - 50%
Phần mềm	20%

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản cố định và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.10 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động tài sản cố định là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2.12 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua, bán hàng và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**2.13 Vay và nợ thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Tập đoàn xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**2.14 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**2.15 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất này. Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Tập đoàn không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc nêu trên do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng*. Nếu Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, khoản dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cần phải lập là 6.134.638.400 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 6.710.552.290 Đồng).

**2.17 Dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng**

Dự phòng được lập cho các khoản chi phí khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng và đất thuê theo nguyên tắc được trình bày tại Thuyết minh 2.15 và các quy định hiện hành có liên quan.

Số dư của khoản dự phòng này được xác định bằng giá trị hiện tại của tổng ước tính chi phí cần thiết để hoàn tất nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê. Giá trị dự phòng tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính của kỳ báo cáo.

**2.18 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

**2.19 Phân chia lợi nhuận**

Cổ tức của Tập đoàn được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau:

**(a) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.19 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)**

**(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Tập đoàn và được các nhà cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**2.20 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**(c) Doanh thu cho thuê tài sản**

Doanh thu cho thuê tài sản dưới hình thức thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian cho thuê đã thực hiện.

**(d) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.21 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

**2.22 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn bán hàng và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.23 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán và lỗ tỷ giá hối đoái.

**2.24 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

**2.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tập đoàn.

**2.26 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.27 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.28 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

**2.29 Ước tính kế toán trọng yếu**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Người đại diện theo Pháp luật phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định (Thuyết minh 2.9);
- Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 6);
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 7); và
- Dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng (Thuyết minh 2.17 và Thuyết minh 19).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và được Người đại diện theo Pháp luật đánh giá là hợp lý.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Tiền mặt	100.876.618	819.093.648
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.507.377.935	12.754.795.734
	<u>11.608.254.553</u>	<u>13.573.889.382</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**4 PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Bên thứ ba (*)	91.004.022.490	57.616.659.951
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 6)	(1.440.513.889)	(1.392.471.981)
	<u>89.563.508.601</u>	<u>56.224.187.970</u>

(\*) Chi tiết cho những khách hàng chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	13.128.788.837	4.476.207.362
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phở Việt	5.395.536.000	8.756.448.800
Công ty Nemco Food Trading, Inc	8.514.770.844	-
Công ty Port Royal Sales	8.049.233.656	6.980.378.976

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Phải thu từ các cá nhân liên quan đến thuế GTGT (*)	5.458.254.250	5.458.254.250
Tạm ứng cho nhân viên	33.516.465	77.717.717
Phải thu khác	1.849.402.546	1.544.904.897
	<u>7.341.173.261</u>	<u>7.080.876.864</u>
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 6)	(6.751.791.170)	(6.487.742.230)
Trong đó:		
- Dự phòng cho khoản phải thu từ các cá nhân liên quan đến thuế GTGT (*)	(5.458.254.250)	(5.458.254.250)
- Dự phòng cho các khoản phải thu khác	(1.293.536.920)	(1.029.487.980)
	<u>589.382.091</u>	<u>593.134.634</u>

(\*) Phải thu từ các cá nhân và dự phòng tương ứng liên quan đến thuế GTGT phải nộp Nhà nước là 5.458.254.250 Đồng được ghi nhận phù hợp với bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 tháng 1 và 13 tháng 1 năm 2005 do Tòa án Nhân dân Tối cao – Tòa Phúc thẩm tại Hà Nội ban hành (Thuyết minh 12).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**6 NỢ KHÓ ĐÒI**

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi được trình bày như sau:

	<b>31.12.2021</b>		
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán:			
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4)	8.586.568.381	7.146.054.492	1.440.513.889
ii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 5)	6.751.791.170	-	6.751.791.170
iii) Trả trước cho người bán ngắn hạn	842.434.338	-	842.434.338
	<u>16.180.793.889</u>	<u>7.146.054.492</u>	<u>9.034.739.397</u>

	<b>31.12.2020</b>		
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán:			
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4)	9.622.814.969	8.230.342.988	1.392.471.981
ii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 5)	6.487.742.230	-	6.487.742.230
iii) Trả trước cho người bán ngắn hạn	800.284.338	24.550.750	775.733.588
	<u>16.910.841.537</u>	<u>8.254.893.738</u>	<u>8.655.947.799</u>

Biến động về dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Số dư đầu năm	8.655.947.799	8.744.579.680
Tăng dự phòng	572.080.562	533.903.200
Hoàn nhập dự phòng	(193.288.964)	-
Xóa sổ khoản phải thu khách hàng	-	(622.535.081)
Số dư cuối năm	<u>9.034.739.397</u>	<u>8.655.947.799</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**7 HÀNG TỒN KHO**

	31.12.2021		31.12.2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	12.640.849.418	-	4.887.700.950	-
Nguyên vật liệu	158.489.162.017	(2.047.488.037)	153.492.716.298	(814.909.180)
Công cụ, dụng cụ	6.535.132.563	(668.519.764)	5.482.316.019	(342.577.814)
Chi phí SXKD dở dang	20.038.414.588	(1.333.398.365)	18.471.105.837	(343.861.374)
Thành phẩm	63.346.576.471	(1.600.866.577)	47.757.210.522	(1.517.427.576)
Hàng hóa	18.755.143.950	(7.476.146)	21.864.781.243	-
	<u>279.805.279.007</u>	<u>(5.657.748.889)</u>	<u>251.955.830.869</u>	<u>(3.018.775.944)</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.657.748.889)		(3.018.775.944)	
	<u>274.147.530.118</u>		<u>248.937.054.925</u>	

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	3.018.775.944	2.214.248.632
Tăng dự phòng	4.901.462.969	1.209.974.961
Hoàn nhập dự phòng	(2.262.490.024)	(405.447.649)
Số dư cuối năm	<u>5.657.748.889</u>	<u>3.018.775.944</u>

**8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
<b>(a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí mua bảo hiểm	83.217.745	99.881.568
Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng	90.418.549	28.392.221
Khác	835.936.891	598.789.906
	<u>1.009.573.185</u>	<u>727.063.695</u>
<b>(b) Dài hạn</b>		
Nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng	2.530.174.714	2.678.970.466
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	120.833.325	473.272.644
Chi phí cải tạo văn phòng, nhà kho	2.007.771.531	111.834.826
Khác	450.231.626	232.416.211
	<u>5.109.011.196</u>	<u>3.496.494.147</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	50.968.427.195	82.249.709.716	4.676.186.396	2.336.851.020	140.231.174.327
Mua mới trong năm	405.526.682	5.225.921.029	136.363.636	-	5.767.811.347
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10)	1.705.671.818	4.923.086.965 (530.000.000)	-	-	6.628.758.783 (530.000.000)
Thanh lý	-	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	53.079.625.695	91.868.717.710	4.812.550.032	2.336.851.020	152.097.744.457
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	(38.572.705.968)	(54.411.635.498)	(3.521.896.537)	(2.336.851.020)	(98.843.089.023)
Khấu hao trong năm	(2.263.666.441)	(5.568.942.263) 189.794.004	(344.821.062)	-	(8.177.429.766) 189.794.004
Thanh lý	-	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	(40.836.372.409)	(59.790.783.757)	(3.866.717.599)	(2.336.851.020)	(106.830.724.785)
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	12.395.721.227	27.838.074.218	1.154.289.859	-	41.388.085.304
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	12.243.253.286	32.077.933.953	945.832.433	-	45.267.019.672

Nguyên giá tài sản cố định của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã khấu hao hết là 60.844.229.562 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: lần lượt là 60.506.347.202 Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 14.509.113.787 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 16.024.988.177 Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh 16).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

## 9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)

## (b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	12.532.172.202	2.146.590.000	14.678.762.202
Mua mới trong năm	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	12.532.172.202	2.146.590.000	14.678.762.202
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	-	(736.203.792)	(736.203.792)
Khấu hao trong năm	-	(483.714.120)	(483.714.120)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	-	(1.219.917.912)	(1.219.917.912)
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	12.532.172.202	1.410.386.208	13.942.558.410
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	12.532.172.202	926.672.088	13.458.844.290

(\*) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định với mục đích ban đầu để xây dựng nhà máy, bao gồm:

- i) Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long cho lô đất có diện tích 10.306 m<sup>2</sup> tại lô C3-4 và C3-5 thuộc khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng với giá trị ghi sổ là 11.258.672.202 Đồng;
- ii) Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long cho lô đất có diện tích 290,7 m<sup>2</sup> tại thửa số 1 địa chỉ số 43/1 Đường Phước Long, Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa với giá trị ghi sổ là 729.000.000 Đồng;
- iii) Quyền sử dụng đất không thời hạn của Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng cho lô đất có diện tích 215,4 m<sup>2</sup> tại số 43/1 Đường Phước Long, Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa với giá trị ghi sổ là khoảng 544.500.000 Đồng.

Ngày 20 tháng 7 năm 2016, Công ty đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 77/2016/VCB ĐN với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Đà Nẵng, thế chấp quyền sử dụng lô đất tại Đà Nẵng (giá trị ghi sổ là 11.258.672.202 Đồng) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng, công ty con, với Ngân hàng (Thuyết minh 16).

Ngày 24 tháng 12 năm 2019, Công ty đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01.2019/HDTC-CAN với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Nam Hải Phòng, thế chấp quyền sử dụng lô đất tại Nha Trang (giá trị ghi sổ là 729.000.000 Đồng) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long với Ngân hàng (Thuyết minh 16).



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<b>31.12.2021 VND</b>	<b>31.12.2020 VND</b>
Máy móc đang chờ lắp đặt	-	4.790.021.065
Xây dựng và cải tạo trường mầm non	-	1.827.142.818
	<u>-</u>	<u>6.617.163.883</u>

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Số dư đầu năm	6.617.163.883	45.500.000
Tăng	133.065.900	7.483.795.083
Phân loại lại	(121.471.000)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9(a))	(6.628.758.783)	(912.131.200)
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>6.617.163.883</u>

**11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>31.12.2021 VND</b>	<b>31.12.2020 VND</b>
Bên thứ ba (*)	<u>94.609.843.178</u>	<u>111.855.968.099</u>

(\*) Chi tiết cho những nhà cung cấp chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải trả người bán ngắn hạn như sau:

	<b>31.12.2021 VND</b>	<b>31.12.2020 VND</b>
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thực phẩm Hạ Long	31.006.382.190	54.403.016.970
Công Ty CP In và Bao Bì Mỹ Châu	<u>16.116.226.929</u>	<u>10.479.192.416</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nợ Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số thực thu/nộp trong năm VND	Cán trừ/ phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
<b>(a) Phải thu</b>					
Thuế GTGT đầu vào	4.981.813.072	33.954.360.932	(56.267.280)	(28.509.403.646)	10.370.503.078
Tiền thuế đất (*)	1.141.360.998	(725.825.802)	-	-	415.535.196
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	56.913.129	56.913.129
	<u>6.123.174.070</u>	<u>33.228.535.130</u>	<u>(56.267.280)</u>	<u>(28.452.490.517)</u>	<u>10.842.951.403</u>
<b>(b) Phải nộp</b>					
Thuế GTGT đầu ra	3.287.220.691	61.861.721.325	(34.235.034.891)	(28.509.403.646)	2.404.503.479
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.716.971.626	8.803.663.735	(8.669.305.697)	-	3.851.329.664
Thuế thu nhập cá nhân	180.864.378	2.370.639.914	(2.475.514.877)	56.913.129	132.902.544
Thuế GTGT (**)	668.254.250	-	(668.254.250)	-	-
Phạt nộp chậm thuế GTGT	969.627.488	235.074.947	(79.697.750)	-	1.125.004.685
Các khoản phải nộp khác	-	105.224.000	(105.224.000)	-	-
	<u>8.822.938.433</u>	<u>73.376.323.921</u>	<u>(46.233.031.465)</u>	<u>(28.452.490.517)</u>	<u>7.513.740.372</u>

(\*) Vào ngày 24 tháng 7 năm 2019, Công ty đã nhận một thông báo đánh giá lại một nghĩa vụ thuế của mình, theo đó, số tiền thuế đất Công ty đã nộp thừa là 2.493.831.000 Đồng. Công ty sẽ được căn trừ số tiền nộp thừa này cho nghĩa vụ thuế tương ứng trong tương lai.

(\*\*) Khoản mục này phản ánh số thuế GTGT phải nộp Ngân sách Nhà nước theo bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 và 13 tháng 1 năm 2005 do Tòa án Nhân dân Tối cao – Tòa Phúc Thẩm tại Hà Nội ban hành (Thuyết minh 5). Trong năm, Công ty đã trả nốt phần còn lại là 668.254.250 Đồng cho cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****13 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Lương, thưởng phải trả cho người lao động	10.121.936.196	3.716.434.623

**14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31.12.2021 VND	2020 VND
Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	10.962.643.233	2.584.549.933
Chi phí thưởng cho nhân viên	4.785.825.421	4.668.227.829
Khác	2.967.733.424	2.543.540.654
	<u>18.716.202.078</u>	<u>9.796.318.416</u>

**15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Phải trả khác của Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (*)	1.126.898	939.201.560
Kinh phí công đoàn	942.649.631	897.044.242
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 33(b))	111.519.750	73.094.250
Khác	813.389.255	643.895.424
	<u>1.868.685.534</u>	<u>2.553.235.476</u>

(\*) Đây là khoản tiền còn lại chưa chi hết mà Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long nhận được để chi trả tiền ăn cho học sinh và tiền cơ sở vật chất thay mặt phụ huynh học sinh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**16 VAY**

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Tăng VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Vay dài hạn đến hạn trả/ Phân loại lại VND	Giảm VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
(a) Ngân hạn Vay ngân hàng (*)	119.852.838.427	553.693.951.593	228.329.441	4.102.623.000	(518.951.192.169)	158.926.550.292
(b) Dài hạn Vay ngân hàng (*)	1.139.569.000	3.533.054.000	-	(4.102.623.000)	(80.000.000)	490.000.000

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản vay của Tập đoàn bao gồm:

Bên cho vay và hợp đồng vay	Số dư tại 31.12.2021 VND	Thời hạn hoàn trả gốc và lãi vay	Lãi suất	Mục đích khoản vay	Hình thức bảo đảm
(i) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng	29.985.283.177	Gốc vay trả trong vòng 4 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay trả hàng tháng.	5,5%/năm	Tài trợ vốn lưu động	Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Thuyết minh 9(a) và 9(b))
(ii) Hợp đồng vay đề tháng 4 năm 2021. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	49.951.770.586	Gốc vay trả trong vòng 4 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay trả hàng tháng.	6,3%/năm	Tài trợ vốn lưu động	Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9(a)) và quyền sử dụng đất tại 71 Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng, Việt Nam
(iii) Hợp đồng vay đề ngày 20 tháng 8 năm 2021. Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	9.977.376.529	Gốc vay trả trong vòng 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay trả hàng tháng.	6,3%/năm	Tài trợ vốn lưu động	Không đảm bảo
(iv) Hợp đồng vay đề ngày 18 tháng 1 năm 2022. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	69.012.120.000	Gốc vay trả trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay trả hàng tháng.	3,6%/năm	Tài trợ vốn lưu động	Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9(a)); Quyền sử dụng đất (Thuyết minh 9(b)); Phải thu và hàng tồn kho tương đương với số dư của khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**16 VAY (TIẾP THEO)**

	<b>Bên cho vay và hợp đồng vay</b>	<b>Số dư tại 31.12.2021 VND</b>	<b>Thời hạn hoàn trả gốc và lãi vay</b>	<b>Lãi suất</b>	<b>Mục đích khoản vay</b>	<b>Hình thức bảo đảm</b>
(v)	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam Hợp đồng vay đề ngày 10 tháng 12 năm 2021.	490.000.000	Gốc vay trả hàng tháng trong vòng 60 tháng, bắt đầu hoàn trả sau 1 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay trả hàng tháng	8,0%/năm	Tài trợ mua TSCĐ	Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9(a))

159.416.550.292

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÒ HỘP HẠ LONG**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****17 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	2021 VND	2020 VND
Phải trả người lao động (*)	3.400.000.000	-

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã thực hiện ghi nhận khoản dự phòng tiền lương người lao động cho năm 2021 dựa trên Quyết định số 238/QĐ/ĐHHL của Tổng giám đốc Công ty.

**18 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	3.592.010.976	2.885.210.976
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 21) (*)	750.000.000	750.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	(591.230.496)	(43.200.000)
Số dư cuối năm	3.750.780.480	3.592.010.976

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 4 tháng 6 năm 2021.

**19 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

	2021 VND	2020 VND
Dự phòng khôi phục và hoàn trả mặt bằng (*)	4.043.984.893	3.858.153.913

(\*) Đây là khoản dự phòng chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng cho khu đất thuê của Công ty khi kết thúc thời hạn thuê tại số 71, Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam theo Hợp đồng thuê đất số 11/HĐ/TĐ ký ngày 15 tháng 3 năm 1999 giữa Công ty và Sở Địa chính Thành phố Hải Phòng, theo đó Công ty có nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn hợp đồng thuê. Việc thu dọn bao gồm tháo dỡ các tài sản của Công ty trên khu đất nêu trên và phục hồi khu đất về trạng thái ban đầu.

Biến động dự phòng phải trả trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	3.858.153.913	3.672.322.933
Lãi suất	185.830.980	185.830.980
Số dư cuối năm	4.043.984.893	3.858.153.913

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỢP HẠ LONG**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	<b>31.12.2021</b>	<b>31.12.2020</b>
	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>31.12.2021</b>		<b>31.12.2020</b>	
	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>%</b>	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>%</b>
Phần vốn nhà nước	1.387.360	27,75	1.387.360	27,75
Phần vốn của các đối tượng khác	3.612.640	72,25	3.612.640	72,25
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	100	5.000.000	100

**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu thường VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	5.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	5.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	5.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

Mẫu số B 09 - DN

**21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	50.000.000.000	15.753.387.350	29.020.260.148	23.228.521.510	118.002.169.008
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	18.116.410.835	18.116.410.835
Chia cổ tức	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Thưởng khác	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	50.000.000.000	15.753.387.350	29.020.260.148	34.844.932.345	129.618.579.843
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	29.418.465.276	29.418.465.276
Chia cổ tức (Thuyết minh 22) (*)	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18) (*)	-	-	-	(750.000.000)	(750.000.000)
Thưởng khác (*)	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	50.000.000.000	15.753.387.350	29.020.260.148	53.013.397.621	147.787.045.119

(\*) Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 4 tháng 6 năm 2021, LNST chưa phân phối của năm 2020 được sử dụng cho chia cổ tức với số tiền là 9.000.000.000 Đồng (Thuyết minh 22); trích 750.000.000 Đồng vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18) và thưởng 1.500.000.000 Đồng vượt chỉ tiêu lợi nhuận năm 2020 cho Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÒ HỢP HẠ LONG**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****22 CỐ TỨC**

Cổ tức là cổ phiếu thường đã công bố là 9.000.000.000 Đồng căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 4 tháng 6 năm 2021 là 18% mệnh giá cổ phiếu phổ thông (tương đương 1.800 Đồng trên một cổ phiếu phổ thông nắm giữ).

**23 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	2021	2020
Lợi nhuận thuần của năm	29.418.465.276	18.116.410.835
Điều chỉnh cho:		
- Các khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21) (*)	-	(750.000.000)
- Thưởng khác (Thuyết minh 21) (*)	-	(1.500.000.000)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	<u>29.418.465.276</u>	<u>15.866.410.835</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>5.000.000</u>	<u>5.000.000</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>5.884</u>	<u>3.173</u>

(\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2021 sẽ cần điều chỉnh lại sau khi Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, và trích các khoản thưởng khác (nếu có) từ lợi nhuận của năm 2021. Các thông tin về giá trị dự kiến trích từ lợi nhuận của năm 2021 chưa có tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao bao gồm số ngoại tệ là 374.995,94 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 305.762,87 Đô la Mỹ).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**25 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	846.917.718.990	700.777.594.562
Doanh thu bán hàng hóa	32.447.771.432	36.387.522.556
Dịch vụ chăm sóc trẻ và giáo dục mầm non	1.211.954.491	1.400.067.797
Doanh thu cho thuê kho và doanh thu khác	824.777.272	-
	<u>881.402.222.185</u>	<u>738.565.184.915</u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Chiết khấu thương mại	(14.631.194.475)	(3.243.887.104)
Giảm giá hàng bán	(47.172.241)	(34.616.674)
Hàng bán bị trả lại	(2.646.999.771)	(943.505.191)
	<u>(17.325.366.487)</u>	<u>(4.222.008.969)</u>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	829.592.352.503	696.773.449.925
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	32.447.771.432	36.169.658.224
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ và giáo dục mầm non	1.211.954.491	1.400.067.797
Doanh thu thuần cho thuê kho	824.777.272	-
	<u>864.076.855.698</u>	<u>734.343.175.946</u>

**26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	667.935.693.662	575.065.722.103
Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.984.574.336	14.517.935.181
Giá vốn của dịch vụ chăm sóc trẻ và giáo dục mầm non	2.403.413.000	1.521.226.900
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.638.972.945	804.527.312
	<u>679.962.653.943</u>	<u>591.909.411.496</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Lãi tiền vay	6.256.821.659	5.147.268.284
Chi phí tài chính của nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng	185.830.980	185.830.980
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.664.860.697	1.048.744.160
Lỗ do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	342.668.925	65.964.947
Khác	575.200.567	407.268.129
	<u>9.025.382.828</u>	<u>6.855.076.500</u>

**28 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Chi phí nhân viên	45.220.871.316	27.702.923.498
Khấu hao tài sản cố định	29.337.015	36.296.597
Chi phí vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa	22.511.994.148	12.741.043.116
Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	21.279.883.303	32.794.716.839
Chi phí quảng cáo, tiếp thị, hoa hồng	6.726.225.979	5.073.238.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.481.031.541	2.240.624.515
Công tác phí	2.586.484.553	3.235.255.722
Khác	2.440.500.511	3.599.919.951
	<u>107.276.328.366</u>	<u>87.424.018.878</u>

**29 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Chi phí nhân viên	20.134.437.425	14.022.312.853
Khấu hao tài sản cố định	649.016.418	578.530.467
Thuế, phí và lệ phí	1.369.344.768	1.946.932.079
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	6.093.900.884	7.150.659.416
Dự phòng phải thu khó đòi	378.791.598	533.903.200
Công tác phí	1.317.267.935	1.229.282.005
Khác	3.873.488.227	2.749.786.848
	<u>33.816.247.255</u>	<u>28.211.406.868</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Số thuế thu nhập doanh nghiệp trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng (20%) được thể hiện như sau:

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	38.222.129.011	22.903.119.750
Thuế tính ở thuế suất 20%	7.644.425.802	4.580.623.950
Điều chỉnh:		
- Chi phí không được khấu trừ	457.801.901	411.213.915
- Lỗ tính thuế đã được sử dụng	(40.476.948)	-
- Chênh lệch tạm thời mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.431.099.463	218.851.912
- Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	40.476.948
- Ảnh hưởng của thuế suất ưu đãi (*)	(689.186.483)	(464.457.810)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (**)	<u>8.803.663.735</u>	<u>4.786.708.915</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	8.803.663.735	4.786.708.915
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (**)	<u>8.803.663.735</u>	<u>4.786.708.915</u>

(\*) Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - Đà Nẵng, Công ty con của Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 15% đối với hoạt động chế biến hải sản dựa trên hướng dẫn của công văn số 35/CCT-TTHT ngày 8 tháng 1 năm 2020 của Chi Cục thuế khu vực Sơn Trà - Ngũ Hành Sơn.

(\*\*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**31 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	567.446.491.153	486.208.901.541
Chi phí mua hàng hóa	50.256.635.574	56.599.339.639
Chi phí nhân viên	152.044.963.284	116.966.194.146
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.661.143.886	6.729.312.339
Chi phí gia công	8.480.045.390	10.283.380.179
Chi phí vận chuyển	22.511.994.148	12.741.043.116
Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	21.279.883.303	32.794.716.839
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.628.428.571	24.930.481.606
Công tác phí	3.386.714.476	3.999.586.926
Khác	18.883.478.352	15.321.566.154
	<u>885.579.778.137</u>	<u>766.574.522.485</u>

**32 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Doanh thu chính của Tập đoàn là từ sản xuất, chế biến, đóng hộp và xuất khẩu các mặt hàng thủy, hải sản, súc sản đông lạnh (Thuyết minh 25). Báo cáo bộ phận bao gồm doanh thu, giá vốn bộ phận theo vị trí địa lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả do Tập đoàn không theo dõi tài sản và nợ phải trả theo từng bộ phận doanh thu và giá vốn.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là sản xuất các mặt hàng thực phẩm. Các ngành nghề kinh doanh khác của Tập Đoàn chiếm tỷ trọng không trọng yếu trong tổng doanh thu nên Tập Đoàn không thuyết minh báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

	2021		
	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	548.587.279.652	315.489.576.046	864.076.855.698
Giá vốn	(394.475.186.947)	(285.487.466.996)	(679.962.653.943)
Lợi nhuận gộp	<u>154.112.092.705</u>	<u>30.002.109.050</u>	<u>184.114.201.755</u>
	2020		
	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	493.732.986.000	240.610.189.946	734.343.175.946
Giá vốn	(368.863.275.407)	(223.046.136.089)	(591.909.411.496)
Lợi nhuận gộp	<u>124.869.710.593</u>	<u>17.564.053.857</u>	<u>142.433.764.450</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
<b>i) Các khoản chi cho nhân sự chủ chốt</b>		
Kek Chin Ann	1.388.633.485	1.914.979.797
Trương Sỹ Toàn (bổ nhiệm ngày 10.6.2021)	1.047.987.131	-
Phạm Thị Thu Nga (bổ nhiệm từ 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021)	896.000.000	1.177.036.775
Bùi Quốc Hưng	420.112.225	336.627.027
Wilson Cheah Hui Pin	393.561.949	298.789.189
Phạm Thị Hải Yến	269.000.000	92.649.619
Mai Xuân Phong (miễn nhiệm ngày 4.6.2021)	244.056.782	317.708.108
Phạm Hữu Quý Lâm (miễn nhiệm ngày 4.6.2021)	236.173.899	298.789.189
Nguyễn Văn Bình (miễn nhiệm ngày 4.6.2021)	1.003.071.719	1.870.543.479
Trần Hoàng Lâm (miễn nhiệm ngày 4.6.2021)	236.173.899	298.789.189
Nguyễn Thành Trung (bổ nhiệm ngày 10.6.2021)	169.496.855	-
Trần Hữu Hoàng (bổ nhiệm ngày 4.6.2021)	157.388.050	-
Trần Phước Thái (miễn nhiệm ngày 4.6.2021)	137.833.333	87.000.000
Mai Thị Mai Hoa (miễn nhiệm ngày 4.6.2021)	80.833.333	30.838.710
Lã Thị Quy (bổ nhiệm ngày 4.6.2021)	30.166.667	-
Nguyễn Mạnh Tuấn Vũ (bổ nhiệm ngày 4.6.2021)	30.166.667	-
Đặng Quốc Việt (miễn nhiệm ngày 5.3.2020)	-	81.639.314
Ngô Văn Duy Nhất (miễn nhiệm ngày 6.5.2020)	-	47.666.667
	<u>6.740.655.994</u>	<u>6.853.057.063</u>
<b>ii) Các hoạt động tài chính</b>		
Chia cổ tức cho cổ đông:		
- Cổ đông thuộc nhà nước	2.497.248.000	1.387.360.000
- Các cổ đông khác	6.502.752.000	3.612.640.000
	<u>9.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>
<b>(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan</b>		
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Cổ tức phải trả cho Cổ đông (Thuyết minh 15)	<u>111.519.750</u>	<u>73.094.250</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**34     **ẢNH HƯỞNG CỦA COVID-19****

Sự lan rộng của dịch Covid-19 từ đầu năm 2021 là một khó khăn và thách thức đối với hoạt động của Tập đoàn. Tại ngày ký báo cáo tài chính hợp nhất này, Người đại diện theo Pháp luật của Tập đoàn đã thực hiện đánh giá về tác động của dịch Covid-19 đối với hoạt động của Tập đoàn, trong đó bao gồm khả năng thu hồi giá trị ghi sổ của các tài sản, giá trị của các tài sản và nợ phải trả và kết luận rằng Tập đoàn có khả năng hoạt động bình thường trong vòng 12 tháng tới, ngoại trừ ảnh hưởng của các sự kiện bất khả kháng, mệnh lệnh hành chính do chính quyền ban hành và các yếu tố kinh tế vĩ mô. Người đại diện theo Pháp luật của Tập đoàn sẽ tiếp tục theo dõi tình hình, có các hành động phù hợp và kịp thời để giảm thiểu tác động trong tương lai.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Người đại diện theo Pháp luật phê chuẩn ngày 18 tháng 3 năm 2022.



\_\_\_\_\_  
Bùi Thị Hương  
Người lập/Kế toán trưởng



\_\_\_\_\_  
Trương Sỹ Toàn  
Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền